



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM (Two Copies)

Version _____
1-171 : Yes, _____

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

APPLICANT IN VIETNAM NGUYỄN THÀNH LUÔNG
Last Middle First

Current Address 521/106D Cách Mạng Tháng 8, F.13, Q.10, TP. HỒ CHÍ MINH
Date of Birth SEP-16-1948 Place of Birth Sađeo VIỆT NAM

Previous Occupation (before 1975) The First Lieutenant (Trung úy) CHIEF OF TRANSPORTATION
(Rank & Position) PLATOON (Trung đội Trưởng vận tải)

TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From JUNE-26-1975 To MAY-14-1979

SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address & Telephone

NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone	Relationship
---------------------------	--------------

<u>MAI TUYẾT TÔNG, 1401 PLANTING Ct. Va. 23456</u>	<u>NIECE</u>
--	--------------

<u>Va BEACH VIRGINIA, USA</u>	
-------------------------------	--

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the OP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: MARCH 05-1990

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYỄN THANH - LUÔNG
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
TÔNG THỊ NUÔI	MARCH 17-1943	Wife
NGUYỄN TÔNG ANH HUY	JUNE 20-1974	SON
NGUYỄN TÔNG PHƯƠNG THỦY DUNG	DECEMBER 26-1981	DAUGHTER

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION :

DOCUMENTS ATTACHED!

1. 04 BIRTH CERTIFICATE
2. 01 PHOTOCOPY OF THE CENSUS BOOK
3. 01 PHOTOCOPY OF RELEASE CERTIFICATE
4. 04 PHOTOS 4x6
5. 01 MARRIED CERTIFICATE
6. 01 PHOTOCOPY Reply from BANGKOK O.D.P.

QUESTIONNAIRE FOR EX POLITICAL PRISONER IN VIETNAM

—()—

I. BASIC INFORMATION OF APPLICANT IN VIETNAM :

1. Full name : NGUYỄN THANH LUÔNG
2. Date of birth : SEP 16-1948
3. Place of birth : SAĐEC
5. Position before April 1975 :
 Rank : The first Lieutenant (Trung ~~thứ~~ ^{đội})
 Function : CHIEF OF TRANSPORTATION PLATOON (Trưởng đội ^{truyền vận tải})
 Military serial number : 68/512359
4. Month, date, year arrested : JUNE 26-1975
5. Month, date, year out of camp : May 19-1979
6. Photocopy of Release Certificate : YES
7. Present mailing address :

Số 521/106 D CÁCH MẠNG THÁNG 8 F.13. Q.10 HOCHIMINH CITY VN

8. Current address :

II. LIST FULL NAME OF EX.P.P. :

I. RELATIVES TO ACCOMPANY WITH EX.P.P. :

NUMBER	FULL NAME	DATE OF BIRTH	PLACE OF BIRTH	RELATIONSHIP
1	TÔNG - THU - NUÔI	MARCH 17-1943	SAIGON	WIFE
2	NGUYỄN TÔNG ANH HUY	JUNE 20-1974	SAIGON	SON
3	NGUYỄN TÔNG PHƯƠNG			
	- THUY DUNG	DEC 26-1981	SAIGON	DAUGHTER

2. COMPLETE FAMILY LISTING (living / dead)

- | | name | address |
|------------|---------------------------------------|---|
| - Father | NGUYỄN VĂN CAO (dead) | |
| - Mother | VÔ DANH | |
| - Spouse | TÔNG THỊ NUÔI (living) | 521/106 D CÁCH MẠNG THÁNG 8 F.13 Q.10 HOCHIMINH CITY VN |
| - Children | NGUYỄN TÔNG ANH HUY (living) | 521/106 D C. M. T. 8 F.13 Q.10 HOCHIMINH CITY V.N. |
| | NGUYỄN TÔNG PHƯƠNG THUY DUNG (living) | 521/106 D CÁCH MẠNG THÁNG 8 F.13 Q.10 HOCHIMINH CITY VN |

- siblings :

III. RELATIVES OUTSIDE VIETNAM :

1. In The U.S.A. :

MAI TUYẾT TÔNG, 1401 PLANTING Ct Va Beach Va 23456
VIRGINIA U.S.A.

2. In the FRANCE.

ĐỖ VĂN THOẠI, 2 Allée Pierre Brasseur 77680 Roissy EN BRIE FRANCE

3. IN THE DANMARK.

TÔNG THỊ KIM ANH, 1GA. St TV Rosenof 8260 VP by J DANMARK.

IV. HAVE YOU SUBMITTED THE APPLICATION FOR YOUR FAMILY :

1. Re-unification until now

2. Reply from Bangkok O.D.P. YES

3. The O.D.P. BANGKOK LOI NO

V. ANY COMMENT. REMARKS :

VI. PLEASE LIST HERE ALL DOCUMENTS ATTACHED TO THIS QUESTIONNAIRE

1. 04 BIRTH CERTIFICATE.
2. 01 PHOTOCOPY OF THE CENSUS BOOK.
3. 01 PHOTOCOPY OF RELEASE CERTIFICATE.
4. 04 PHOTOS 4x6.
5. 01 MARRIED OF CERTIFICATE.
6. 01 PHOTOCOPY Reply FROM BANGKOK O.D.P.

Signature

Date :

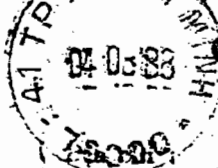
MARCH 06-1990



CÔNG

de la R. S. du Vietnam

BUREAU CHIEU
Service des Postes



GIẤY BẢO

Avis de (2)

máy bay

PAR AVION

Nhận
Réception
T.đ. tiền
Payement

Nhất ần Bureau
hoàn giấy báo
Timbre du bureau
renvoyant l'avis



Adresse NGUYỄN THANH LƯƠNG

(3) 521/1050 CMT8 F13 Q10 TP HCM

in (2) nước (Pays)

- (1) Nếu giấy báo này hoàn lại bằng máy bay thì phải ghi rõ " Hoàn lại bằng máy bay " Si le présent avis doit être renvoyé par avion, le revêtir de la mention très apparente « Renvoi par avion » và dán lá nhãn hoặc đóng dấu màu xanh " Par avion " et de l'étiquette ou d'une empreinte de couleur bleue « Par avion ».
- (2) Gạch bỏ phần không thích hợp (Biffer ce qui ne convient pas).
- (3) Do người gửi ghi địa chỉ của họ để gửi hoàn giấy báo này.
A remplir par l'expéditeur, qui indiquera son adresse pour le renvoi du présent avis.

Do Bureau cùc gôc ghi
A remplir par le bureau
d'origine

Bưu phẩm ghi (1).
Envoi recommandé

Ký gửi tại Bureau cùc TP. HCM

déposé au bureau de poste de

ngày 04 - 08 - 1988

19

số

le

19

sous le no

Địa chỉ người nhận 127 Panjabhim Building Sathorn

Adresse du destinataire

Railroad Bangkok 10120 Thailand

Chữ & Bureau cùc nhận
A remplir à destination

Người ký tên dưới đây khai rằng bưu phẩm ghi trên đây đã phát
Le soussigné déclare que l'envoi mentionné ci-dessus a été dûment livré

ngày

le

Chữ ký người nhận

Signature du destinataire (1)

Chữ ký nhân viên

Bureau cùc nhận

Signature de l'agent

cc du Bureau destinataire

Nhật ấn Bureau cùc nhận

Timbre du bureau

destinataire

SEP 1988

BÍ CHÚ : (1) Nếu phát cho người được ủy quyền, nhân viên ghi dưới chữ ký " được ủy quyền "
Nếu phát chậm ghi lý do như " Người nhận bảo lần thứ 3 mới đến "

THAY ĐỔI CHỖ Ở CÁ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

NK 4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số : 674840 CN

Họ và tên chủ hộ : TÔNG ... THỊ ... TUỔI ...

Ấp, ngõ, số nhà : 521 / 106 D ...

Thị trấn, đường phố : Cầu Mới ... tháng 8 ...

Xã, phường : 24 ...

Huyện, quận : Mười Ba ... 1.3.87

Ngày 10 tháng 03 năm 1982

Trưởng công an Quận 10

(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



PHÓ CÔNG AN QUẬN 10

Tham Văn Đa

Số NK 3 :

NHỮNG NGƯỜI THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

[illegible]

BỘ QUỐC PHÒNG
Cục Quân Pháp
SƯ ĐOÀN 3

Số: 05/QG/E2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập

Tự do - Hạnh phúc

GIẤY RA TRẠI

Căn cứ chỉ thị số 316/TTg ngày 22-08-1977 của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về chính sách đối với binh sĩ, nhân viên các cơ quan chính quyền của chế độ cũ và đảng phái phản động hiện đang bị tập trung, cải tạo.

Căn cứ thông tư Liên Bộ Quốc phòng - Nội vụ số 07TT/LB ngày 29-12-1977 về việc thực hiện chỉ thị số 316/TTg ngày 22-08-1977 của Thủ tướng Chính phủ.

Thi hành quyết định số 601/QĐ ngày 27/4/1979 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

CẤP GIẤY RA TRẠI

Họ và tên: Nguyễn Thành Lương

Ngày, tháng, năm sinh: 1948

Quê quán: Sa Đéc

Trú quán: tạm trú Oi tháng 8, 403/I47A, C.M.T.8 QTO

Nơi cho về: 403/I47A, C.M.T.8, quận IO, T.P.H.C.M.

Số lính, cấp bậc, chức vụ trong bộ máy chính quyền, quân sự và các

tổ chức chính trị hiện động của chế độ cũ: 68/512359

trung uý, trung đội trưởng vận tải

Khi về, phải trực tiếp trình bày giấy này với Ủy Ban Nhân dân và công an xã, 403/I47A, C.M.T.8.

Phường: _____ thuộc Huyện,

Quận: IO Tỉnh, Thành phố: H.C.M.

và phải tuân theo các quy định của Ủy Ban Nhân dân Tỉnh, Thành phố về việc quản chế, về nơi cư trú và các mặt quản lý khác:

- Thời hạn quản chế: (mười hai tháng)

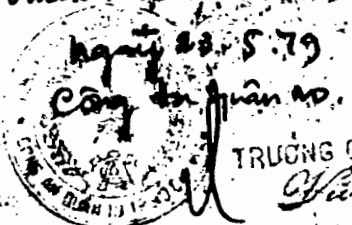
- Thời hạn đi đường: (hai) ngày (kể từ ngày ký giấy

ra trại).

- Tiền và lương thực đi đường: (có phiếu cấp phát kèm theo)

Kêu nhận.

D/Sư đoàn trình diện tại xã.



TRƯỞNG CÁN QUÂN



tháng 05 năm 1979

TU LỆNH

Trưởng tá TRƯƠNG VĂN BA

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
ĐỒ-THÀNH SAIGON

Quận 10

PHƯỜNG Chi Hoa

Số hiệu: 964

LIÊN PHI

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Lập ngày 22 tháng 6 năm 1974

Tên họ đứa trẻ	NGUYEN TONG ANH HUY
Con trai hay con gái. .	Nam
Ngày sanh	Ngày hai mươi tháng sáu năm một ngàn chín trăm bảy mươi bốn, 06/10/70
Nơi sanh.	369 Le van Duyet Saigon
Tên họ người cha. . .	Nguyen thanh Luong
Tên họ người mẹ . . .	Tong thi Nuo1
Vợ chánh hay không có hôn-thú.	Vo chanh
Tên họ người đứng khai.	Nguyen thi Ba

TRÍCH-LỤC Y BẢN-CHÁNH

Saigon, ngày 03 tháng 7 năm 1974 N/10

Viên-Chức Hộ-Tịch, *h*



Đại tá NGUYỄN CHÂU BÌNH



VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
ĐÔ-THÀNH SAIGON
QUẬN 10
PHƯỜNG Chi Hoa
Số hiệu : 47

MIỄN PHÍ

TRÍCH-LỤC CHỨNG THƯ HÔN-THÚ

Lập ngày 12 tháng 4 năm 1974

Tên họ chồng	NGUYEN THANH LUONG
Ngày và nơi sanh	Ngày 16.9.1948,tại Tỉnh Thoi,Kien Phong
Tên họ cha chồng	Nguyen Van Cao(s) (Sống/Chết)
Tên họ mẹ chồng	//// (Sống/Chết)
Tên họ vợ	TONG THI NUOI
Ngày và nơi sanh	Ngày 17.3.1943,tại Saigon
Tên họ cha vợ	Tong van Giang(s) (Sống/Chết)
Tên họ mẹ vợ	Nguyen thi Phuong(s) (Sống/Chết)
Ngày lập hôn thú	Ngày 12.4.1974
Có lập hôn khế không	////



TRÍCH-LỤC Y BẢN-CHÁNH
Sài Gòn, ngày 13 tháng 4 năm 1974 N/6
VIÊN-CHỨC HỘ-TỊCH

[Signature]
Đại Ủy NGUYỄN-CHÂU-ĐÌNH

Thành phố, Tin

Ho Chi Minh

Quyền số 01

Trần Văn Tĩnh



PHÒNG LỤC-SỰ TÒA SƠ-THẨM KIẾN-PHONG
(GREFFE DU TRIBUNAL DE 1ère INSTANCE DE . . .)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH làng Tịnh-Thới (Kiến-Phong)
(Extrait du registre des actes de naissance)

(NAM PHẦN)
(Sud Viêt-Nam)

NĂM. 1952, 1953
(Année)

SỐ HIỆU 327
(Acte No)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	Ngày 30-12-1960 Tòa, Sơ-Thẩm Vĩnh Long có tuyên một bản án mà đoạn phán quyết chủ văn như sau đây:
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	bởi Các Lễ Ấy
Sinh ngày nào (Date de naissance)	Phán rằng: Nguyễn-thành-Luông, nam,
Sinh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	sinh ngày 16-9-1948 tại xã Tịnh-Thới,
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	quận Cao-Lãnh tỉnh Sadek nay thuộc tỉnh Kiến-Phong, con của Nguyễn-văn-Cao
Cha làm nghề gì (Sa profession)	và Vô danh ;
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Phán rằng án này thế vì khai-sanh cho Nguyễn-thành-Luông ./-
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	Nay cức
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	Vĩnh-Long, ngày 20-6-1961
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Chánh Lục-Sự,
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	(Ấn-ký)



Trích y bản chánh,
(Pour extrait conforme)

Giá tiền 154 00
(Cout)

Biên-lai số 1792/4ks.
(Quittance No)

ĐT/V.V. Tạng

S/V.B. Phong

Kiến-Phong, ngày 5-3-1974
CHÁNH LỤC-SỰ,
LE GREFFIER EN CHEF

CÁC THẠ ĐỒNG

Bản số: 9602

★

HỘ-TỊCH

ÁN THẾ VÌ

TRÍCH-LỤC BỘ/ KHAI-SANH

Năm một ngàn chín trăm năm mươi một (1951).

TỜ CƯỐC
vào bộ sanh Saigon
án thế vì khai sanh
cho :

TỔNG THỊ NUÔI

(Chiếu theo bản án
Tòa Sơ-thẩm Saigon
xử ngày 27.8.1951).

Tên, họ đứa nhỏ	Tổng thị Nuôi
Phái	-----
Ngày sanh	Ngày mười bảy tháng ba năm một ngàn chín trăm bốn mươi ba. -
Nơi sanh.	Saigon
Tên, họ người Cha.	Tổng văn Giang Nhìn nhận là con chánh thức tại Saigon ngày 27.8.1951.
Nghề-nghiệp.	-----
Nơi cư-ngụ.	-----
Tên, họ người Mẹ.	Nguyễn thị Phương Nhìn nhận là con chánh thức tại Saigon ngày 27.8.1951.
Nghề-nghiệp.	-----
Nơi cư-ngụ.	-----
Vợ chánh hay thứ	-----

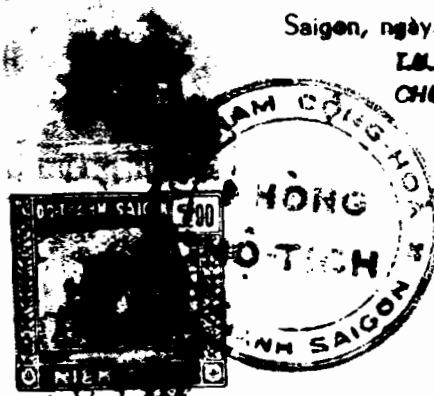


TRÍCH-LỤC Y BỒN CHÁNH:

DVK/10

Saigon, ngày 17 tháng 11 năm 1973.

LÂM. ĐÓ-TRƯỞNG SAIGON
CHỖ-SƯ PHÒNG HỘ-TỊCH,



lưu

CHỨC-THỊ-VIÊN

FROM: NGUYỄN-THÀNH-LUÔNG
521/106 D C.M.T 8 F.13. GIO
HỒ CHÍ MINH CITY V. N

MAR 21 1990



PAR AVION VIA AIR MAIL

TO: FAMILIES OF VIETNAMESE
POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION
P.O. BOX 5435 ARLINGTON VA 22205-0635
TELEPHONE

U.S.A

nguyên thanh Lâm -



Đặng Văn Tường
17/5/1949

Đặng Văn Tường
17/5/1949

Nguyễn Thị Sân
10-2-1950

Nguyễn Thị Sân

10-2-1950

Đặng Tường Linh
01-7-1959

Đặng Tường Linh
01-7-1959

Đặng Lương Thôn
01-1-1974

Đặng Lương Thôn
01-1-1974



Đường Tiến
15-3-1958

Đường Tiến
15-3-1958

Đường Cam Ly
05-4-1975

Đường Cam Ly
05-4-1975

Đường Lữ Hùng
27/2-1983

Đường Lữ Hùng
27-2-1983

C O N T R O L

____ Card
____ Doc. Request; Form
____ Release Order
____ Computer
____ Form "D"
____ ODP/Date
____ Membership; Letter

5/29/90